



BÀI TẬP CUỐI TUẦN TOÁN 4 TUẦN 8

Họ và tên: _____ Lớp: _____

I/ TRẮC NGHIỆM

Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng hoặc làm theo yêu cầu:

Câu 1. 6 tấn 6 kg =kg. Số cần điền là:

- A. 66 B. 106 C. 1006 D. 10006

Câu 2. Một con ngỗng trưởng thành cân nặng khoảng:

- A. 1kg B. 10kg C. 100kg D. 1000kg

Câu 3. Một con voi trưởng thành cân nặng khoảng:

- A. 3 kg B. 3 yên C. 3 tạ D. 3 tấn

Câu 4. 1 tạ 3 yến = Kg. Số cần điền vào chỗ chấm là:

- A. 130 B. 10030 C. 13

Câu 5. Trong các số dưới đây, số có chữ số 7 ở lớp triệu là:

- A. 567 312 334 B. 567 213
C. 576 321 D. 612 537



Câu 6. Tú nghĩ ra một số. Tú lấy số đó trừ đi số nhỏ nhất có 4 chữ số khác nhau thì được số chẵn lớn nhất có 4 chữ số. Số Tú nghĩ là:

- A. 9993 B. 11201 C. 11021 D. 11201

Câu 7. Hiệu của hai số là số lớn nhất có ba chữ số. Nếu thêm vào số bị trừ 125 đơn vị thì hiệu mới là bao nhiêu?

- A. 1123 B. 1124 C. 1125 D. 1127

Câu 8. Hiệu của số nhỏ nhất có sáu chữ số và số lớn nhất có bốn chữ số là:

- A. 9001 B. 90001 C. 901 D. 9000001

II. TỰ LUẬN



Bài 1: Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

3 yến = kg

40 kg = yến

5 tạ =kg

5000kg =tạ

4 tấn = kg

400 kg =tạ

Bài 2: Một chiếc thùng rỗng nặng 1 yến. Khi đổ đầy nước thì thùng nước đó nặng 120kg. Hỏi một nửa thùng nước đó nặng bao nhiêu ki- lô- gam?

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 3: Một cửa hàng bán gạo ngày đầu bán được 1 tạ 50 kg, ngày thứ hai bán được 500kg. Hỏi cả hai ngày cửa hàng đó bán được tất cả bao nhiêu ki-lô-gam?

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 4: Từ các chữ số 5; 4; 3; 7 hãy viết tất cả các số có bốn chữ số, mỗi số có cả bốn chữ số đó.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

ĐÁP ÁN
BÀI TẬP CUỐI TUẦN TOÁN 4
TUẦN 8

Họ và tên: _____ Lớp: _____

I/ TRẮC NGHIỆM
Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng hoặc làm theo yêu cầu:
Câu 1. 6 tấn 6 kg =kg. Số cần điền là:

- A. 66 B. 106 **C. 1006** D. 10006

Câu 2. Một con ngỗng trưởng thành cân nặng khoảng:

- A. 1kg **B. 10kg** C. 100kg D. 1000kg

Câu 3. Một con voi trưởng thành cân nặng khoảng:

- A. 3 kg B. 3 yến C. 3 tạ **D. 3 tấn**

Câu 4. 1 tạ 3 yến = Kg. Số cần điền vào chỗ chấm là:

- A. 130** B. 10030 C. 13

Câu 5. Trong các số dưới đây, số có chữ số 7 ở lớp triệu là:

- A. 567 312 334** B. 567 213
C. 576 321 D. 612 537

Câu 6. Tú nghĩ ra một số. Tú lấy số đó trừ đi số nhỏ nhất có 4 chữ số khác nhau thì được số chẵn lớn nhất có 4 chữ số. Số Tú nghĩ là:

- A. 9993 B. 11201 **C. 11021** D. 11201

Câu 7. Hiệu của hai số là số lớn nhất có ba chữ số. Nếu thêm vào số bị trừ 125 đơn vị thì hiệu mới là bao nhiêu?

- A. 1123 **B. 1124** C. 1125 D. 1127

Câu 8. Hiệu của số nhỏ nhất có sáu chữ số và số lớn nhất có bốn chữ số là:


A. 9001

B. 90001

C. 901

D.9000001

II. TỰ LUẬN

Bài 1: Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

$$3 \text{ yến} = 30 \text{ kg}$$

$$40 \text{ kg} = 4 \text{ yến}$$

$$5 \text{ tạ} = 500 \text{ kg}$$

$$5000 \text{ kg} = 50 \text{ tạ}$$

$$4 \text{ tấn} = 4000 \text{ kg}$$

$$400 \text{ kg} = 4 \text{ tạ}$$



Bài 2: Một chiếc thùng rỗng nặng 1 yến. Khi đổ đầy nước thì thùng nước đó nặng 120kg. Hỏi một nửa thùng nước đó nặng bao nhiêu ki- lô- gam?

$$\text{Đổi } 1 \text{ yến} = 10 \text{ kg}$$

Số nước trong thùng nặng là:

$$120 - 10 = 110(\text{kg})$$

Một nửa thùng nước nặng là:

$$110 : 2 = 55 (\text{kg})$$

Đáp số: 55 kg.

Bài 3: Một cửa hàng bán gạo ngày đầu bán được 1 tạ 50 kg, ngày thứ hai bán được 500kg. Hỏi cả hai ngày cửa hàng đó bán được tất cả bao nhiêu ki-lô-gam?

$$\text{Đổi } 1 \text{ tạ } 50 \text{ kg} = 150 \text{ kg}$$

$$\text{Cả hai ngày bán được số ki- lô- gam gạo là: } 150 + 500 = 650 (\text{kg})$$

Đáp số: 650 kg.

Bài 4: Từ các chữ số 5; 4; 3; 7 hãy viết tất cả các số có bốn chữ số, mỗi số có cả bốn chữ số đó.

5437; 5473; 5374; 5347; 5734; 5743

4537; 4573; 4357; 4375; 4735; 4753

3547; 3574; 3475; 3457; 3745; 3754

7543; 7534; 7435; 7453; 7345; 7354.